

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2020

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thơm**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp n, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoài H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Ấp m, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị X, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp m, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Nguyễn Thị Hoài T trình bày như sau:

Chị T và anh H chung sống vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/7/2013.

Sau một thời gian chung sống, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, đi chơi bờ qua đêm, quan hệ bất chính với phụ nữ khác và thường về nhà đánh đập vợ. Vào năm 2017 anh H đã bỏ nhà đi 06 tháng sau đó vợ chồng quay về chung sống được khoảng 01 tháng và đến năm 2018 thì anh H lại tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay. Hiện nay vợ chồng không còn sống chung, không thể mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị T xin ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 04/9/2012 hiện tại đang sống chung với bà nội là bà Trần Thị X. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con chị T trình bày hiện nay chị T đã có nhà riêng và hiện đang làm công nhân có thu nhập ổn định đủ điều kiện cũng như khả năng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T tiếp tục xin ly hôn với anh H; về con chung chị T xin được quyền nuôi con chung không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng chị T xác định không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn anh Lê Hoài H vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 21/8/2020 bà Trần Thị X trình bày: Bà X là mẹ ruột của anh Lê Hoài H và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị Hoài T. Hiện nay cháu D đang sống với bà X, còn anh H đi làm ăn xa. Khi vợ chồng anh H và chị T ly

hôn nếu chị T có nguyện vọng nuôi con chung thì bà đồng ý giao cháu D lại cho chị T.

Ý kiến trình bày của con chung: Cháu Lê Thị Ngọc D có nguyện vọng được sống với cha khi cha mẹ ly hôn.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của nguyên đơn và con chung (Bản công chứng).

Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị T và anh H xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Từ khi anh chị ly thân thì con chung sống với bà nội có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định. Đối với bị đơn vắng mặt căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật dân sự đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Không có kiến nghị phân tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh H; về con chung giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Chị T xin ly hôn với anh H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Tại phiên tòa anh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, bà X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị T và anh H chung sống với nhau có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp bị đơn phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Cho đến thời điểm mở phiên tòa anh H không cung cấp chứng cứ để chứng minh hoặc có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cũng tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự có quy định: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Theo các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Từ năm 2016 cho đến nay hôn nhân giữa chị T và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng ý kiến xảy ra cự cãi, anh H có hành vi hành hung, đánh đập vợ. Vào năm 2017 anh chị đã ly thân 06 tháng và đến tháng 6 năm 2018 lại tiếp tục ly thân cho đến nay. Hiện nay mỗi người

đều tạo dựng cho mình cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân với chị T. Tại phiên Tòa chị T tiếp tục yêu cầu được ly hôn. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2012 hiện sống cùng bà nội là bà Trần Thị X. Nhận thấy hiện nay bà X đã cao tuổi, việc trông nom, nuôi dưỡng cháu nội sẽ gặp nhiều khó khăn trong khi anh H lại không thường xuyên có mặt ở nhà để chăm lo dạy bảo con từ đó sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới việc phát triển của con chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T đều có nguyện vọng được nuôi con và đã trình bày cũng như xuất trình được chứng cứ để chứng minh về khả năng cũng như điều kiện nuôi con như đã có nhà riêng, làm công nhân có mức thu nhập ổn định đủ khả năng để đảm bảo cho cuộc sống của con. Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Thị Ngọc D cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung sau khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị

quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 228, Điều 44, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoài T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Lê Hoài H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc D, sinh ngày 04/9/2012 cho chị Nguyễn Thị Hoài T nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết anh chị có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, khi có các yêu cầu hay tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Hoài T và anh Lê Hoài H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008443 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Hoài T đã nộp đủ án phí.

5. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu, HS, VP.

Đinh Thị Thơm